TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Nam Hưng**

Ông **Lê Duy Cửu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Đình Nam** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Lệ T**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ 05, thôn Hưởng Phước, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 05, thôn Hưởng Phước, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lưu Thị Lệ T trình bày*:

Tôi và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, ông T1 không lo làm ăn, ở nhà nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2019, tôi về sống tại nhà cha mẹ ruột tại xã Hòa

Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Trâm Anh - sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Kim Vy - sinh ngày 11/12/2017. Ly hôn tôi xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết quan hệ hôn nhân và cũng không có ý kiến phản hồi.*

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Các đương sự gồm: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lưu Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Văn T1.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Trâm Anh - sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Kim Vy - sinh ngày 11/12/2017 cho bà Lưu Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Lệ T xác định không có và không nợ ai nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình

giải quyết cũng như tại phiên tòa vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông Tuấn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lưu Thị Lệ T thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông T1 không lo làm ăn, ở nhà nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Hiện vợ chồng sống ly thân, bà và các con về sống tại nhà cha mẹ ruột tại xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại phiên tòa, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm và yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và ông T1 vợ chồng cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mực độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Địa phương cũng đã xác nhận thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 như đã nêu trên. Trong quá trình giải quyết quan hệ hôn nhân, Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng dân sự cho ông T1 nhưng ông T1 không đến để giải quyết quan hệ tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ rằng ông T1 cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T là có căn cứ phù hợp với các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Trâm Anh - sinh ngày; 16/9/2013 và Nguyễn Kim Vy - sinh ngày: 11/12/2017. Tại phiên tòa, bà T xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay 02 con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Còn việc cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu ông T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Lệ T1 xác định không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Lưu Thị Lệ T1 phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004391 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng.

* Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"* của bà Lưu Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Văn T1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lưu Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Trâm Anh - sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Kim Vy - sinh ngày 11/12/2017 cho bà Lưu Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Lệ T xác định không có và không nợ ai nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Lưu Thị Lệ T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004391 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, (bà T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên, h. Hòa Vang, tp. Đà Nẵng,
(Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013 ngày 25/4/2013);
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Hoài Sơn